DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1800156	Nguyễn Trường An	20/12/1999		Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
2	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1909135	Nguyễn Thị Ngọc Trân	19/05/2001	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
3	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2013974	Lâm Hoàng Khang	01/04/2002		Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
4	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1707047	Huỳnh Thị Diễm Phúc	01/09/1999	N	Ngôn ngữ Anh	
5	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1807937	Nguyễn Thanh Thảo	02/10/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
6	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1900195	Nguyễn Ngọc Hơn	20/01/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
7	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1900210	Hồ Việt Thắng	24/05/2000		Ngôn ngữ Anh	
8	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1911444	Trần Ngô Quỳnh Anh	27/05/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
9	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000124	Bùi Thị Bão Tuyên	16/01/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
10	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000127	Võ Hồng Ngọc	12/03/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
11	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000128	Lê Anh Thư	29/03/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
12	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000137	Trần Huỳnh Tú Quy	19/05/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
13	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2005127	Chang, Yi-chi	07/12/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
14	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2005137	Phạm Yên Khoa	03/04/2002		Ngôn ngữ Anh	
15	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2013954	Nguyễn Lê Thị Huyền Sâm	15/07/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
16	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014002	Nguyễn Ngọc Khả Ái	08/09/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
17	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014026	Tạ Bùi Anh Thư	10/01/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
18	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014027	Nguyễn Ngọc Yến Trang	07/10/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
19	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014045	Phan Thị Hà My	06/03/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
20	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2100098	Trần Thị Tiêu My	09/10/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
21	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2100101	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20/01/2002	N	Ngôn ngữ Anh	
22	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2105110	Nguyễn Phạm Ngọc An	15/09/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
23	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2111388	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	19/05/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
24	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2111390	Thạch Thị Xuân Thảo	03/08/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
25	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2111423	Nguyễn Thúy Ngân	10/12/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
26	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2111427	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	20/07/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
27	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2111439	Bùi Thụy Minh Thùy	25/09/2003	N	Ngôn ngữ Anh	
28	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2000168	Trần Bảo Anh	05/10/1998		Ngôn ngữ Anh	
29	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2000189	Trang Thanh Thanh	01/12/1998	N	Ngôn ngữ Anh	
30	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100012	Lưu Nguyễn Ngọc Ánh	06/12/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
31	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100013	Nguyễn Hoàng Sĩ Đan	12/07/2000		Ngôn ngữ Anh	
32	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100029	Trần Thanh Thảo Nguyên	29/09/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
33	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100034	Trương Tú Quỳnh	01/12/1997	N	Ngôn ngữ Anh	
34	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100037	Nguyễn Võ Minh Trân	10/04/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
35	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100042	Nguyễn Phương Trinh	13/06/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
36	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100044	Nguyễn Thị Tú Uyên	10/03/1998	N	Ngôn ngữ Anh	
37	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2100046	Thái Hoàng Yến Vy	11/06/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
38	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200022	Lâm Nguyễn Minh Anh	10/09/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
39	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200025	Huỳnh Thị Chân	16/06/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
40	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200026	Trình Thị Minh Châu	20/11/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
41	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200028	Hồ Thị Huyền Dương	02/08/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
42	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200036	Thái Thị Ngọc Linh	11/01/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
43	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200038	Từ Xuân Mai	30/09/2001	N	Ngôn ngữ Anh	
44	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200042	Huỳnh Chí Nguyện	23/03/1999		Ngôn ngữ Anh	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
45	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200046	Lê Hồng Nhiên	21/01/1999	N	Ngôn ngữ Anh	
46	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200055	Nguyễn Minh Tiến	04/02/1999		Ngôn ngữ Anh	
47	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200058	Trần Thị Huyền Trân	11/01/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
48	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2200060	Huỳnh Khánh Trân	18/01/2000	N	Ngôn ngữ Anh	
49	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1909481	Nguyễn Hiếu Thuận	14/10/2001		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
50	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2005251	Nguyễn Ngọc Gia Hân	15/10/2001	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
51	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2005261	Phan Tấn Lộc	24/07/2002		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
52	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014105	Hứa Ngọc Hân	07/09/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
53	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014177	Nguyễn Hoàng Anh Tài	26/01/2002		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
54	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014202	Hứa Hữu Tỷ	07/12/2002		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
55	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014206	Lê Thảo Vy	12/10/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
56	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014208	Tạ Tường Vy	10/10/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
57	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014217	Trần Huỳnh Đức Duy	01/03/2002		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
58	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014223	Nguyễn Minh Đắc	12/12/2002		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
59	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014239	Nguyễn Chúc Ly	29/09/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
60	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014244	Huỳnh Thị Cẩm Ngân	13/12/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
61	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014250	Đỗ Lê Yến Nhi	17/09/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
62	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2014277	Lê Thị Ngọc Tuyền	09/12/2002	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
63	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2111517	Nguyễn Kim Ngân	11/03/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
64	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1913483	Huỳnh Tú Vân	23/08/2001	N	Ngôn ngữ Pháp	
65	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2007339	Nguyễn Thị Mỹ Thắm	04/12/2002	N	Ngôn ngữ Pháp	
66	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016121	Hà Duy Tân	18/09/2002		Sư phạm Tiếng Anh	
67	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016139	Nguyễn Phương Ân	09/06/2002	N	Sư phạm Tiếng Anh	
68	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016154	Phạm Minh Khôi	26/02/2002		Sư phạm Tiếng Anh	
69	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016158	Phạm Chí Nghiêm	01/07/2002		Sư phạm Tiếng Anh	
70	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1912467	Nguyễn Văn Nguyên	10/04/2000		Sư phạm Tiếng Pháp	
71	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1912469	Trần Quỳnh Như	28/09/2001	N	Sư phạm Tiếng Pháp	
72	FL	49/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016189	Trần Lê Bảo Hân	29/07/2002	N	Sư phạm Tiếng Pháp	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ